

NGÔN NGỮ HỌC VÀ VIỆT NGỮ HỌC

VAI TRÒ CỦA *BIỂU THỨC MIÊU TẢ* TRONG HỘI THOẠI TIẾNG VIỆT

MAI THỊ HẢO YẾN*

TÓM TẮT: Trong các yếu tố tham gia vào hội thoại - tức hoạt động nói năng của con người có sự có mặt của biểu thức miêu tả. Biểu thức miêu tả là một khái niệm thường được biết đến với vai trò là một trong các phương thức dùng để chiếu vật (reference), tức quan hệ giữa phát ngôn (diễn ngôn) với các bộ phận tạo nên ngữ cảnh của nó. Các hình thức biểu thị mối quan hệ giữa phát ngôn (diễn ngôn) với các bộ phận tạo nên ngữ cảnh của nó thường được nói đến gồm: tên riêng, biểu thức miêu tả chiếu vật và chỉ xuất. Tuy nhiên, trong thực tế hành chức của ngôn ngữ, biểu thức miêu tả không chỉ thực hiện vai trò duy nhất là được dùng như một phương thức chiếu vật mà còn được dùng để xưng hô trong hội thoại. Từ góc độ dụng học, bài viết sẽ làm rõ hơn các chức năng này của biểu thức miêu tả trong hội thoại tiếng Việt.

TỪ KHÓA: biểu thức miêu tả; xưng hô; chiếu vật; hội thoại; dụng học.

NHẬN BÀI: 15/01/2023.

BIÊN TẬP-CHỈNH SỬA-DUYỆT ĐĂNG: 12/02/2023

1. Đặt vấn đề

Trong hội thoại, để có thể giúp người nghe hiểu diễn ngôn của mình, người nói bắt buộc phải sử dụng đến chiếu vật. Chiếu vật, hay chính xác là quan hệ chiếu vật (reference) giúp người nói đưa sự vật, hiện tượng trong thế giới khách quan vào diễn ngôn của mình. Người nghe có thể định vị được sự vật, hiện tượng đó trong diễn ngôn của người nói chính là bởi các biểu thức chiếu vật. Các biểu thức dùng để chiếu vật, theo Searle gồm bốn kiểu, đó là: (1) tên riêng; (2) các cụm danh từ số ít; (3) các đại từ như *this, that,...* *I, she, he, it* và (4) các chức danh (như *thủ tướng, chủ tịch...*). Các tác phẩm dụng học, đều gộp chung kiểu (3) và (4) thành kiểu chỉ xuất (deixis indexical). Theo đó, các phương thức chiếu vật sẽ gồm: tên riêng, biểu thức miêu tả chiếu vật và chỉ xuất. Như vậy, các yếu tố tham gia vào hội thoại có sự có mặt của biểu thức miêu tả với vai trò là một trong các phương thức dùng để chiếu vật. Tuy nhiên, trong thực tế hành chức của ngôn ngữ, biểu thức miêu tả không chỉ thực hiện vai trò duy nhất là được dùng như một phương thức chiếu vật. Biểu thức miêu tả còn được dùng để xưng hô trong hội thoại.

2. Nội dung

2.1. Về biểu thức miêu tả và biểu thức miêu tả chiếu vật

Biểu thức miêu tả được Lyons định nghĩa: “*Thuật ngữ miêu tả xác định bắt nguồn từ chỗ người ta có thể nhận diện một nghĩa chiếu vật không chỉ bằng cách gọi tên nó ra mà còn bằng cách cung cấp cho người nghe, người đọc một sự miêu tả đủ chi tiết, trong một ngữ cảnh phát ngôn xác định, giúp anh ta có thể tách nó ra khỏi những sự vật khác trong thế giới diễn ngôn. Ví dụ, biểu thức miêu tả người bé nhỏ kia trong một ngữ cảnh phát ngôn đã cho, có thể được xem là một miêu tả xác định, giúp nhận diện một cách không mơ hồ một nghĩa chiếu vật nhất định*” [Dẫn theo Đỗ Hữu Châu, 2005, tr.321].

Biểu thức miêu tả thường được phân loại thành biểu thức miêu tả không xác định và biểu thức miêu tả xác định. Theo Đỗ Hữu Châu (2005) “*Một sự vật - nghĩa chiếu vật được xem là xác định (và biểu thức miêu tả tương ứng với nó là biểu thức miêu tả xác định) khi nó đã được định vị trong thế giới khả hữu - hệ quy chiếu và nó có tính duy nhất trong thế giới hệ quy chiếu đó*” (tr.325). Thế giới khả hữu (possible world; monde possible) là thế giới đã biết đối với các đối tượng chứa đựng nội dung miêu tả. Nghĩa là, sự vật được nói tới trong thế giới khả hữu phải được cả người nói và người nghe ý

* PGS.TS; Trường Đại học Tân Tạo; Email: haoyendhhd@gmail.com

thức được. Cũng theo Đỗ Hữu Châu (2005), “*Biểu thức miêu tả không xác định trong tiếng Việt thường bắt đầu bằng một với danh từ có hoặc không có loại từ ở giữa: một thanh niên..., một con gà,... là những biểu thức miêu tả không xác định*” (tr.322).

Thực tế cho thấy, khi đưa một sự vật, việc hay hiện tượng nào đó vào trong diễn ngôn, thì sự vật, việc hay hiện tượng đó không bao giờ là sự “không xác định”, cho dù có thể nói “một chàng trai” hay “một con gà”. Bởi khi nói “một chàng trai” hay “một con gà” là đã tách *chàng trai* đó ra khỏi *những chàng trai* và cũng đã tách *con gà* đó ra khỏi *những con gà khác*. Tức người nói đã có sự xác định “một con gà” hay “một chàng trai” nào đó trong diễn ngôn của mình với đối ngôn. Cho nên, sự tách biệt biểu thức miêu tả xác định và biểu thức miêu tả không xác định quả là rất khó nhất là đối với một ngôn ngữ như tiếng Việt. Vì vậy, chính Đỗ Hữu Châu cũng thừa nhận “sự thật, sự phân biệt này không triệt để lắm”. Mặc dù, “cần phân biệt biểu thức miêu tả có chức năng chiếu vật và biểu thức miêu tả đơn thuần”. Bởi vì, “Biểu thức miêu tả thực hiện chức năng chiếu vật phải dùng đến miêu tả để thực hiện chức năng chiếu vật, còn biểu thức miêu tả lại có chức năng chỉ ra những đặc điểm (miêu tả) của sự vật - nghĩa chiếu vật quan yếu đối với mục đích giao tiếp mà diễn ngôn đang đảm nhận” [Đỗ Hữu Châu, 2005, tr.328]. Như vậy, cái cốt lõi để phân biệt biểu thức miêu tả đơn thuần chính là *khả năng quan yếu của sự vật được nói đến trong diễn ngôn với mục đích giao tiếp*. Biểu thức miêu tả đơn thuần hay còn gọi là biểu thức thuộc ngữ. Tức là các biểu thức “không có chức năng chiếu vật, mà chỉ có tác dụng làm cái biểu đạt cho một thuộc tính, một đặc tính nào đó được sự vật nghĩa chiếu vật thuộc ngữ đại diện mà thôi” [Đỗ Hữu Châu, 2005, tr.331] (mặc dù, về hình thức thì các biểu thức thuộc ngữ rất giống với biểu thức chiếu vật). Ví dụ:

(1) *Anh ta muốn lấy một cô vợ Việt.*

(2) *Anh ta lấy một cô vợ Việt.*

“Một cô vợ Việt” ở (1) là biểu thức miêu tả thuộc ngữ, còn ở (2) là một biểu thức miêu tả chiếu vật nếu như người nói có một cá thể *vợ Việt* nào đó (mà anh ta đã lấy).

Ở một trường hợp khác, ví dụ:

Một lần mưa, Hằng chợt buột miệng hỏi mẹ:

- *Mẹ ơi, bao giờ thì Người - đàn - ông - của - Trời đến với con?* (Võ Thị Hào, *Làn môi đồng trinh*)

Người - đàn - ông - của - Trời là một biểu thức miêu tả chiếu vật quy chiếu “người đàn ông” (của Trời) với (những) người đàn ông nói chung. Đồng thời, cũng là sự chiếu vật - người đàn ông của Trời - trong phát ngôn của Hằng với mẹ (của cô ấy). Tức khi Hằng hỏi về *Người - đàn - ông - của - Trời* thì mẹ (của Hằng) không bất ngờ (vì thực tế thì trên đời làm gì có cái gọi là *Người - đàn - ông - của - Trời*). Bởi *Người - đàn - ông - của - Trời* là người đàn ông mà cả mẹ của Hằng và Hằng đều đã “biết”. Sự *biết* đó chính là vì họ đang cùng hiểu rằng có một *Người - đàn - ông - của - Trời* trong một ngữ cảnh, mà họ đã cùng có mặt... Đó là người đàn ông trong một bộ phim mà Hằng và mẹ đã cùng xem. Vì hiểu sự miêu tả về người đàn ông (của trời) mà cô con gái nói đến (đúng ra là người đàn ông bước ra từ bộ phim và đã có mặt trong những giấc mơ hoang đại của Hằng...), nên:

“... *Mẹ Hằng đã mặt bịt miệng con:*

- *Đừng nói to thế con. Sẽ có ngày người ta đến. Nhưng con đừng tin những chuyện trong phim nhé. Đó chỉ là câu chuyện người ta dựng lên cho hay mà thôi*”.

Biểu thức miêu tả *Người - đàn - ông - của - Trời* là biểu thức chiếu vật đối với người mẹ - tức người nghe - hiểu “sự vật” (người đàn ông) được nói đến trong phát ngôn của cô ấy. Hiểu nên mẹ Hằng mới nói “Sẽ có ngày người ta đến”. *Người ta* chính là *Người - đàn - ông - của - Trời*. Và sự chiếu vật ấy là duy nhất trong ngữ cảnh ấy. Bởi biểu thức miêu tả *Người - đàn - ông - của - Trời* sẽ có thể làm người nghe khác giật mình, tưởng cô gái bị điên chẳng, bởi làm gì có một người đàn ông nào như thế. Chính vì sự chiếu vật - đòi hỏi “hiểu biết của đối ngôn đã có về sự vật, vào mức độ, phương diện của sự vật...” [Đỗ Hữu Châu, 2005, tr.323], nên người mẹ mới hoảng hốt “Đừng nói to thế con”. Bà sợ “nói to” thì (biểu thức miêu tả) *Người - đàn - ông - của - Trời* sẽ trở nên “mơ hồ về chiếu vật” (ĐHC) đối với người nào đó nghe thấy.

Anh sẵn tới, dứ nắm đầm vào mặt người lái tàu: “Mày mang cho tao cái của nợ gì thế này?” (1. Võ Thị Hào, *Biển cứu rồi*)

“*Cái của nợ*” là một biểu thức miêu tả chiếu vật. Nó có khả năng phân loại với các “của nợ” khác mà (có thể) *người lái tàu* mang đến cho *anh* - người gác đèn - trên biển. *Của nợ* ấy nhất định không phải là các hàng hóa trên con tàu tiếp tế. Bởi nếu thế thì “*anh*” đã không cần phải “sân tới và giờ nắm đầm lên” với người lái tàu làm gì. Và lại, không ai lại gọi các hàng hóa tiếp tế là “của nợ”. *Của nợ* ắt hẳn phải là một thứ gì đó gớm ghiếc. Một thứ gì đó người ta muốn vứt bỏ. Một thứ gì đó phiền phức, vướng bận... Và *của nợ* đó là một người đàn bà. Một người đàn bà mà dưới con mắt của *anh*, thì cô ta “có đủ hai mắt, mồm và mũi, nhưng là khuôn mặt đặc trưng nhất của một con diêm... Tã tưởi mái tóc và hàng mi, trông huếch cái nhìn. Đôi môi thâm xỉ quện một lớp son dày màu máu trâu...” - đấy là “cái của nợ”. Và *cái của nợ* trong phát ngôn “*Mày mang cho tao cái của nợ gì thế này?*” là một biểu thức miêu tả chiếu vật. Bởi khi nói, *anh* (người nói) tin rằng *anh lái tàu* (người nghe) hiểu được *anh* định nói đến cái gì, mà ở đây là nói đến ai. Và *người lái tàu* quả thật đã hiểu. Nếu không hiểu, thì *anh* ta không thể “sợ hãi, lùi lại lấp bắp: - Nào... nào tôi có biết. *Chị ta* đến tìm, và nói rằng...nhặt được cái chai...””. Nguyên văn của đoạn thoại:

Anh sân tới, dứ nắm đầm vào mặt người lái tàu: “Mày mang cho tao cái của nợ gì thế này?”

*Người lái tàu sợ hãi, lùi lại lấp bắp: “Nào... nào tôi có biết. *Chị ta* đến tìm, và nói rằng...nhặt được cái chai...”*

Cái của nợ là chị ta!

Trong văn học Việt Nam, cũng có nhiều biểu thức miêu tả chiếu vật đã trở thành điển hình. Điển hình bởi phạm vi chiếu vật “rộng rãi” và gần như phổ quát. Khi nói “*Râu hùm, hàm én, mày ngài*”, người ta biết ngay là nói đến Từ Hải. Hay nói đến vẻ đẹp “*Hoa ghen thua thắm, liễu hờn kém xanh*” là nói đến Thúy Kiều (*Truyện Kiều* - Nguyễn Du). Hoặc khi nói đến “*cái thằng chuyên rạch mặt ăn vạ*”, thì người ta nghĩ ngay đến Chí Phèo, và khi nói đến “một người ngẩn ngơ như những người đàn trong cô tịch và xấu ma chê quỷ hờn” thì đích thị là nói đến Thị Nở - các nhân vật trong tác phẩm *Chí Phèo* của Nam Cao.

Như vậy, biểu thức miêu tả chiếu vật không chỉ là sự vật, hiện tượng nào đó ngoài hiện thực khách quan nằm trong sự hiểu biết của người nói và được người nói đưa vào phát ngôn của mình, mà sự vật, hiện tượng đó còn nằm trong sự hiểu biết, trong sự nhận thức của người nghe - đã được người nói tính đến.

Trong sự rộng lớn của các yếu tố khách quan (được đưa vào diễn ngôn ở một mức độ nào đó) tất yếu có nhiều loại biểu thức miêu tả chiếu vật khác nhau. Với khuôn khổ của bài viết, cũng như sự liên quan của biểu thức miêu tả với vai trò *được dùng để xưng hô trong hội thoại*, chúng tôi đã nói đến *biểu thức miêu tả chiếu vật*.

Như vậy, biểu thức miêu tả chiếu vật, ngoài vai trò là một phương thức chiếu vật, còn có một vai trò nữa, đó là: xưng hô. Bởi xưng hô là việc những người tham gia giao tiếp - tức các đối ngôn sử dụng ngôn ngữ để *quy chiếu* mình (người nói), người nghe, hoặc người thứ ba nào đó được nói đến trong một cuộc giao tiếp vào một vai giao tiếp cụ thể.

2.2. Biểu thức miêu tả chiếu vật dùng để xưng hô

Trong một cuộc giao tiếp, các nhân vật giao tiếp bao giờ cũng đưa mình vào một vai (vai giao tiếp) nhất định. Các vai giao tiếp đó được hiện thực hóa trong lời nói (diễn ngôn) bằng các từ xưng hô tương ứng. Đó chính là sự quy chiếu các đối ngôn trong ngữ cảnh - gắn liền với người nói và người nghe. Vì vậy, xưng hô là một hành vi chiếu vật. Theo đó, biểu thức miêu tả chiếu vật (từ đây chúng tôi chỉ gọi là *biểu thức miêu tả* với hàm nghĩa đầy đủ là biểu thức miêu tả chiếu vật) có chức năng chiếu vật đương nhiên sẽ đồng thời bao gồm cả chức năng xưng hô. Bởi nếu không có chức năng xưng hô thì biểu thức đó sẽ thuần túy là biểu thức miêu tả, hay còn gọi là biểu thức thuộc ngữ (như chúng tôi đã nói). Điều này sẽ được làm rõ hơn trong các nội dung tiếp theo.

2.2.1. Về xưng hô

Từ điển tiếng Việt cho rằng, xưng hô là tự *xưng* mình và gọi người khác là gì đó khi nói với nhau để biểu thị tính chất, mối quan hệ với người nhau (tr.1795).

Từ phương diện dụng học, Đỗ Hữu Châu quan niệm: Xưng hô là một hành vi chiếu vật, ở đây là quy chiếu các đối ngôn trong ngữ cảnh, nó sẽ gắn liền ngôn với người nói, người tiếp thoại. Xưng hô thể hiện quan hệ vai giao tiếp [Đỗ Hữu Châu, 2005, tr.349].

Xưng hô là sự chiếu vật. Mà chiếu vật là một hành động xã hội. Hành động đòi hỏi sự tương tác. Cho nên, khi *xưng* - người nói phải tin rằng người nghe sẽ hiểu được “ý đồ” *xưng* của người nói. Niềm tin vào khả năng nhận biết của về cách *xưng* của người nói đặt vào người nghe chính là niềm tin vào khả năng suy ý chiếu vật đúng đắn của người nghe khi tiếp nhận chiếu vật - tiếp nhận sự tự xưng của người nói.

Do xưng hô là một hành vi chiếu vật, nên tùy theo sự biến động của các nhân tố trong ngữ cảnh cụ thể mà các đối ngôn sẽ lựa chọn những từ xưng hô để quy chiếu bản thân vào các vai giao tiếp phù hợp. Ngoài ra, xưng hô còn chịu sự tác động của nhiều yếu tố như: tuổi tác, địa vị, giới tính... Cách xưng hô cũng như việc lựa chọn từ xưng hô được quy định bởi đối tượng cũng như quan hệ của các đối tượng tham gia giao tiếp với nhau. Nó chi phối quá trình giao tiếp và có thể thay đổi theo diễn tiến phức tạp của cuộc thoại.

Như vậy, xưng hô là một hành vi chiếu vật mà ở đó các nhân vật giao tiếp dùng biểu thức quy chiếu để đưa mình và người đối thoại vào trong lời nói.

Ngữ pháp truyền thông chia xưng hô thành ba ngôi: ngôi thứ nhất là người nói, ngôi thứ hai là người tiếp thoại và ngôi thứ ba là ngôi của người, sự vật, sự việc... được nói tới trong diễn ngôn. Biểu thức ngôn ngữ ngữ pháp hóa các ngôi để xưng hô trong các ngôn ngữ là các *đại từ nhân xưng*. Các đại từ nhân xưng trong tiếng Anh là *I, you, we, he, she, it, they, me, us, him, its, them, myself...*; trong tiếng Pháp: *Je, tu, elle, il, nous, ils, elles...*; trong tiếng Việt: *tôi, tớ, tao, tui, qua, mày, mi, mình; chao, chúng tao, chúng ta, chúng tôi, chúng mình, chúng tớ, bầy (bì), chao, chúng mày; bay, hầy, nó, y, thị, va...* Các đại từ nhân xưng tiếng Việt không có sự phân chia rạch ròi về ngôi thứ như trong tiếng Anh, tiếng Pháp.

Ngoài các đại từ nhân xưng đích thực trên, để xưng và hô, tiếng Việt còn sử dụng các *từ chỉ quan hệ thân tộc*. Tiếp theo, để xưng và hô gọi, người Việt (và các dân tộc khác) có thể dùng *tên riêng*. Tên riêng - tên chính (không kể tên gọi theo tên của chồng - với phụ nữ có chồng và tên gọi theo tên con - với phụ nữ đã có con) có thể dùng một mình để tự xưng, đối xưng và tha xưng. Để xưng hô, tiếng Việt và các ngôn ngữ khác còn dùng *từ chức danh, nghề nghiệp*. Cuối cùng, là các *bán đại từ*. Đây là các từ dùng xưng hô không phải từ thân tộc, cũng không phải là các đại từ thực sự.

Từ góc nhìn ngôn ngữ học xã hội, Nguyễn Văn Khang (1999) đã chia xưng hô thành 06 hệ thống (để xưng hô) với 13 cách xưng hô cụ thể.

Để xưng hô, ngoài sự sử dụng các đại từ nhân xưng đích thực, tiếng Việt còn sử dụng rất nhiều từ khác nữa. Chẳng hạn, ngoài các cách xưng hô như vừa nêu trên, Lê Thị Thanh Mai (2014, tr.51-53) còn chỉ ra thêm một số cách xưng hô như: *xưng hô bằng đại từ chỉ định; xưng hô bằng một số danh từ chung* (đồng chí, quý vị); *xưng hô bằng biệt danh*. Trong một bài viết, Vũ Thị Sao Chi (2015) cũng nói đến cách xưng hô bằng *biểu thức miêu tả*. Ví dụ:

Không thèm chào hỏi ai, tên Chột hách dịch:

- *Lão thọt khom già có nhà hay không?* (Tạ Duy Anh, *Hiệp sĩ áo cò*)

Trong sự hành chức của ngôn ngữ, nhất là một ngôn ngữ giàu sắc thái biểu cảm như tiếng Việt, kiểu xưng hô bằng biểu thức miêu tả thực ra rất phổ biến.

2.2.2. Sự hiện diện của biểu thức miêu tả với vai trò xưng hô

Trong khuôn khổ của một bài viết, chúng tôi chỉ xem xét sự hiện diện của biểu thức miêu tả với vai trò xưng hô với những nội dung sau:

2.2.2.1. Biểu thức miêu tả được dùng để xưng - ngôi thứ nhất

Trong tiếng Việt, có tình trạng một thể hai ngôi, thậm chí là ba ngôi rất phổ biến. Ví dụ:

(1) - *Ngọc Anh, đưa cho bà quyển sách trên bàn.*

(2) - *Bà đi đâu thế?*

(3) - *Ngọc Anh, bà đi siêu thị rồi à?*

Bà (1) là ngôi thứ nhất. Bà (2) là ngôi thứ hai. Còn bà (3) là ngôi thứ ba.

Trong thực tiễn, các biểu thức miêu tả cũng có thể dùng cả ở ba ngôi.

Chẳng hạn: (1) *Con mèo con bé bỏng* của anh nè!

(2) Chào *con mèo con bé bỏng* của anh!

(3) (Trong ký túc xá sinh viên)

A: - *Con mèo con bé bỏng* của anh đi đâu rồi, Lan?

Lan: - *Con mèo con bé bỏng* của anh vừa ra ngoài. Anh ngồi đợi chút.

Con mèo con bé bỏng (1) là ngôi thứ nhất. *Con mèo con bé bỏng* (2) là ngôi thứ hai. Còn *Con mèo con bé bỏng* (3) là ngôi thứ ba.

Tuy nhiên, như đã nói, ngôi thứ nhất là ngôi của người nói. Người nói tự quy chiếu mình vào một vai trong một ngữ cảnh cụ thể với đối ngôn. Vì người nói tự xưng, nên chủ yếu là xưng theo quan hệ liên cá nhân. Rất hiếm trường hợp, người nói tự miêu tả mình (thành một biểu thức miêu tả). Nói cách khác, biểu thức miêu tả dùng trong xưng hô ở ngôi thứ nhất rất hiếm gặp, chủ yếu xuất hiện ở ngôi thứ hai và ngôi thứ ba.

2.2.2.2. Biểu thức miêu tả được dùng để hô (gọi)

a, Biểu thức miêu tả được dùng để hô (gọi) - ngôi thứ hai

Ngôi thứ hai là đối ngôn trong một cuộc giao tiếp cụ thể. Ngôi thứ hai là người nghe và là ngôi mà người nói hô - gọi (trực tiếp). Trái ngược với sự hiếm gặp kiểu xưng hô bằng biểu thức miêu tả ở ngôi thứ nhất, thì ở ngôi thứ hai, cách xưng hô này xuất hiện tương đối nhiều. Ví dụ:

+ *Nhà vua gọi Hoàn ra mắng:*

“*Thằng khốn nạn theo voi ăn bã mía kia, đều cáng chừng nào. Mày mượn danh ta để đi ăn cướp và chơi gái à?*” (Nguyễn Huy Thiệp, tr.260)

+ *Bướm bỏ cọc màn, nhặt con dao phay Kha để trên nóc chạn thức ăn nhảy lên cái ghế đầu the the:* “- *Tao thách mày đấy. Mày vào đấy. Tình nghĩa đ. gì mà mày có quyền hành tao. Mày dãi tao bát cháo lòng lúc tao đói rồi mày dụ dỗ tao. Vì gì một bát cháo lòng làm cho thiên hạ bỏ chồng theo giai. Vợ chồng gì mày! Chê thằng một chai tao vỡ phải một thằng hai lọ. Cái thằng long đà gãy móng kia. Cái thằng b. chắm gio kia. Mày đi với con nào thì lặn mẹ mày đi! Không bà ba máu sáu con lên thì mày ăn bã trâu đấy con ạ!*” (Ma Văn Kháng, 50 truyện ngắn chọn lọc).

+ *Này thằng hình nhân mặt đẹp! Cho mày một hào, sáng mai mày ra đón cửa cho tao. Mày như ngôi sao Hỏa lộc ở cái nhà này. Hôm nào đi chợ gặp mày là thiên hạ đổ xô vào mua bán như tranh như cướp...* (Nguyễn Huy Thiệp, tr.62).

+ *Lão nhóm dậy chậm chạp đến chỗ đồng hào, lão lẳng lẳng nhặt đồng hào cho vào túi mình.*

- *Thằng già khốn nạn! - Diêu bật nụ cười, môi mím lại danh đá. - Đồng hào không phải cho mày đầu đấy! Rồi lại đi nướng vào rượu cho xem!* (Nguyễn Huy Thiệp, tr.62-63)

Trong một bộ phim của Hàn Quốc, ở một cuộc giao tiếp, người ta đã hô - gọi người nghe bằng một biểu thức miêu tả “không thể chính xác hơn”:

+ *Việc đính hôn của Tan và Rachel, hi vọng chị có thể hủy hôn.*

- *Nếu hủy hôn thì tôi nên đề nghị trước mới phải. Chị không thấy vị thế đảo lộn à?*

- *Đây là ý của tôi và Tan.*

- *Chị ... tôi không biết phải xưng hô thế nào. Dù sao ý kiến của Tan và người ngồi trước mặt tôi không quan tâm...* (Những người thừa kế - Phim Hàn Quốc)

Ở các trường hợp trên, người nói - ngôi thứ nhất đã hô - gọi người nghe - ngôi thứ hai bằng các biểu thức miêu tả “*Thằng khốn nạn theo voi ăn bã mía*”, “*thằng long đà gãy móng; thằng b. chắm gio*”, “*thằng hình nhân mặt đẹp*”, “*Thằng già khốn nạn*”, “*người ngồi trước mặt*”. Các trường hợp này, đa số người nói đều hô - gọi người nghe bằng những biểu thức miêu tả mang tính tiêu cực, tức với thái độ không thiện chí, thậm chí là mạt sát, gần như là chửi. Mà rõ là chửi. Bởi chỉ có chửi, người ta mới hạ nhục đối phương - người nghe bằng những “từ ngữ thô tục, phản cảm” như “*Thằng khốn nạn, thằng long đà gãy móng...*”. Trong một bài viết, chúng tôi cũng đã phân tích rất rõ về việc chỉ xưng hô thôi, cũng đã là chửi rồi (Mai Thị Hảo Yến, 2016).

Việc xưng hô trong một cuộc giao tiếp rất quan trọng, nếu như không muốn nói là quyết định đến hiệu quả giao tiếp, nhất là đối với việc hô - gọi người nghe. Bởi người nghe là ngôi thứ hai - là đối

ngôn - là người trực tiếp hội thoại. Vì vậy, nhân vật “tôi” trong ví dụ trên mới cần nhắc “*Chị ... tôi không biết phải xưng hô thế nào*”. Và để an toàn, cũng như thể hiện được thái độ đối với người nghe, nhân vật “tôi” đã “quyết định” dùng đến biểu thức miêu tả, đó là “*người ngồi trước mặt*” (không thể chính xác hơn, bởi người nghe - chính là *người ngồi trước mặt*!). Như vậy, việc xưng hô với cách thức là biểu thức miêu tả cũng nằm trong “tính toán” của người nói như việc dùng các từ xưng hô khác nói chung.

b, Biểu thức miêu tả được dùng để hô (gọi) - ngôi thứ ba

Việc dùng biểu thức miêu tả để xưng hô đối với ngôi thứ ba trong các cuộc giao tiếp cũng tương đối phổ biến. Ví dụ:

+ Bà Hạnh, vợ ông An nói:

- Dào ôi, cậu Thiềm (Thiềm là tên tôi) xin cậu bịt tai lại! Cậu đừng nghe cái tên lang sói ấy, nó chẳng có lương tâm gì đâu! Cậu cứ dạy tốt vào cho tôi (Nguyễn Huy Thiệp, tr.475).

+ Một bữa, Đấng đánh tan ông Phúc trong bộ Tam Đa bằng sừ. Bà ngoại tiếc của mắng nó:

- Đồ hậu đậu. Tất cả là từ cái con mẹ Thu nhãi ranh của mày. (Nguyễn Huy Thiệp, tr.44)

+ Bà mắng con:

- Mày lại còn muốn học làm đĩ hờ? Nhà tao không có cái giống ấy. Tao mà còn bắt được mày đánh đôi với những quân khốn nạn ấy, tao tát cho vỡ mặt. Mày hiểu chưa? (Nguyễn Huy Thiệp).

Ngôi thứ ba - người được nói đến trong các trường hợp trên được hô - gọi bằng các biểu thức miêu tả: “*cái tên lang sói*”, “*cái con mẹ Thu nhãi ranh của mày*”, “*những quân khốn nạn*”. Nếu như việc dùng biểu thức miêu tả để hô - gọi ngôi thứ hai người nói phải cần nhắc, tính toán, thì với ngôi thứ ba, người nói không cần phải làm vậy, bởi người được nói đến không có mặt trong cuộc giao tiếp. Và với biểu thức miêu tả, người nói hoàn toàn có thể thể hiện thái độ, sự đánh giá của họ đối với người được nói đến: *cái tên lang sói*, *cái con mẹ Thu nhãi ranh* hay *những quân khốn nạn*. Mặc dù, các biểu thức miêu tả này mang tính tiêu cực và có phần “lăng mạ, chửi rủa”, nhưng cuộc hội thoại giữa những nhân vật giao tiếp không hề có sự đối kháng. Bởi sự lăng mạ, chửi rủa đó (sự miêu tả) là dành cho người thứ ba - ngôi thứ ba - không có mặt trong cuộc hội thoại của họ.

Tuy nhiên, cũng cần phân biệt biểu thức miêu tả dùng để xưng hô với biểu thức miêu tả mang tính thuộc ngữ, tức chỉ thuần túy là sự miêu tả. Chẳng hạn:

... Tôi sừng sốt:

- Anh ta lấy vợ rồi? Lấy ai?

- Cái Thừa, con nhà chú Thuận lùn ấy mà!... Con bé tình ra phết! Mà phải biết là đồng đánh. Lúc nào cũng cái áo cánh cát bả, cái yếm cổ xây thật trắng, cái quần lụa buông chùng tận gót chân, với chùm chìa khóa lúc la lúc lắc... Nội bà lý, bà phó trong làng này cũng không ăn bận sang như nó. Cô đầu cũng không ăn đứt... Hai con mắt lúc nào cũng tím đi, hai cái má thì đỏ tía rìa, cái mồm thì toa toét; động ai hơi nói đùa, nói bỡn một tí là hơ hớ cười... (Nam Cao, tr.221)

Ở ví dụ trên, đoạn: “*Con bé tình ra phết!... nói bỡn một tí là hơ hớ cười...*” là sự miêu tả. Bởi nếu không miêu tả, mà là xưng hô chiếu vật, thì sự miêu tả đó phải được người nói nói đến với một cách thức hô gọi. Cách thức hô - gọi ấy khi người nói nói đến, nhắc đến với tư cách là ngôi thứ ba và phải được biểu hiện trong một biểu thức dưới dạng cụm danh từ như: *cái tên lang sói ấy*, hay “*những quân khốn nạn ấy*”. Trường hợp trên chỉ là miêu tả. Bởi vì miêu tả, nên trong phát ngôn của người nói có thể không chỉ có người thứ ba, mà còn có những người khác (người thứ tư, thứ năm...) nữa. Trong trường hợp này, người nói không chỉ nói đến “con bé” đó, mà còn nói đến cả “bà lý, bà phó, cô đầu”... Nhưng quan trọng hơn, ngay từ đầu, người nói đã nói đến “con bé” đó là *cái Thừa, con nhà chú Thuận lùn* - đã quá rõ ràng, nên sự miêu tả sau không còn là biểu thức miêu tả chiếu vật và càng không phải là biểu thức miêu tả dùng để xưng hô, vì đã hô - *cái Thừa* (ngôi thứ ba) rồi.

3. Kết luận

Rõ ràng, tất cả sự vật, hiện tượng trong thế giới khách quan đều có thể có mặt trong diễn ngôn của một cuộc giao tiếp ở một mức độ nhất định nào đó. Tuy nhiên, “sự có mặt” đó của hiện thực được đưa vào diễn ngôn không chỉ là “ý muốn” của người nói, đó còn là sự “hiểu biết” của người nghe. Tức các yếu tố đó của hiện thực phải đảm bảo được tính chiếu vật. Bởi “không chiếu vật thì không

thể làm cho người giao tiếp với mình biết mình nói về cái gì trong thế giới diễn ngôn nào” [Đỗ Hữu Châu (chủ biên), 1993, tr.67]. Và một trong những cách thức để chiếu vật (sự vật, hiện tượng trong thế giới khách quan) trong giao tiếp, đó là dùng các biểu thức miêu tả. Kết quả nghiên cứu cho thấy: biểu thức miêu tả không chỉ có khả năng chiếu vật, mà còn hiện diện trong hội thoại với tư cách xưng hô. Như vậy, biểu thức miêu tả, ngoài chức năng chiếu vật, còn bao gồm cả chức năng xưng hô. Nói chính xác hơn, khi một biểu thức miêu tả có thể dùng trong chức năng xưng hô, thì có nghĩa chúng đã đồng thời mang chức năng chiếu vật. Xưng hô bằng biểu thức miêu tả cũng là một kiểu xưng hô không kém phần phổ biến trong giao tiếp. Kiểu xưng hô này cũng góp phần làm phong phú thêm các kiểu xưng hô vốn đã vô cùng phong phú trong tiếng Việt của chúng ta.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Diệp Quang Ban, (2005), *Ngữ pháp tiếng Việt*, Nxb Giáo dục.
2. Đỗ Hữu Châu (chủ biên), Bùi Minh Toán (1993), *Đại cương ngôn ngữ học*, Tập 2, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
3. Đỗ Hữu Châu (2005), *Đỗ Hữu Châu tuyển tập*, Tập 2, Nxb Giáo dục.
4. Vũ Thị Sao Chi (2015), "Cách xưng hô bằng biểu thức miêu tả trong tiếng Việt", Tạp chí *Ngôn ngữ*, số 8-9.
5. Đỗ Thị Kim Liên (1999), *Ngữ nghĩa lời hội thoại*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
6. Nguyễn Văn Khang (1999), *Ngôn ngữ học xã hội - những vấn đề cơ bản*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
7. Lê Thị Thanh Mai (2014), *Đặc điểm xưng hô của người Hàn và người Việt*, Luận án Tiến sĩ Ngôn ngữ học, Học viện Khoa học xã hội.
8. Hoàng Phê (chủ biên), 2011, *Từ điển tiếng Việt*, Nxb Đà Nẵng.
9. Nguyễn Đức Tồn (2015), *Đặc trưng văn hóa - dân tộc của ngôn ngữ và tư duy*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
10. Bùi Minh Yên (2001), *Từ xưng hô trong gia đình đến ngoài xã hội*, Luận án Tiến sĩ Ngữ văn, Viện Ngôn ngữ học, Hà Nội.
11. Mai Thị Hào Yên (2016), *Xưng hô trong hành động ngôn ngữ chửi mắng tiếng Việt*, Tạp chí *Ngôn ngữ & Đời sống*, số 3(245), tr.72-75.

TU LIỆU NGHIÊN CỨU

1. Phan Thị Vàng Anh, Võ Thị Hào, Lý Lan, Nguyễn Thị Thu Huệ (2002), *Truyện ngắn Bốn cây bút nữ*, Nxb Văn học.
2. Nam Cao (2013), *Tuyển tập Nam Cao*, Nxb Văn học.
3. Ma Văn Kháng, 2006, *50 truyện ngắn chọn lọc*, Nxb Văn hóa Sài Gòn
4. Nguyễn Huy Thiệp, 2006, *Truyện ngắn Nguyễn Huy Thiệp*, Nxb Văn hóa Sài Gòn.

The role of description expression in Vietnamese consultation

Abstract: In the elements participating in the conversation - ie human speech activities, there is the presence of descriptive expressions. Descriptive expression is a concept commonly known as one of the methods used to refer to objects (reference). That is the relationship between the utterance (discourse) and the parts that make up its context. The forms expressing the relationship between the utterance (discourse) and the parts that make up its context are often talked about, including proper names, expressions describing objects and deictics. However, in practice, the function of the language, the descriptive expression does not perform the sole role of being used as a referring method. Descriptive expressions are also used to address conversation. From a pragmatic perspective, the article will clarify these functions of descriptive expressions in Vietnamese conversations.

Key words: descriptive expression; address; reference; conversation; pragmatics.